TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ
Ông Hoàng Văn Khiếu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 168/2022/TLST–HNGĐ ngày 23/6/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị V** – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Cây M, xã Liễu Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. Bị đơn: anh **Dương Văn H –** sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Cây M, xã Liễu Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Dương Văn H kết hôn vào ngày 24/01/2011 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Liễu Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận. Chị và anh H đã sống ly thân 05 tháng nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm không còn, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung Dương Nguyên H, sinh ngày 11/01/2011 và Dương Thu H, sinh ngày 21/6/2014. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con số tiền: 1.000.000đ/tháng/một con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn Dương Văn H nhất trí với nội dung mà chị V trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thực tế có mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, hay cãi vã. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: anh và chị Viện có 02 con chung Dương Nguyên H, sinh ngày 11/01/2011 và Dương Thu H, sinh ngày 21/6/2014. Sau khi ly hôn, chị V có nguyện nuôi con chung và yêu cầu anh cấp dưỡng số tiền nuôi con: 1.000.000đ/tháng/một con, anh H đồng ý.

Về tài sản và công nợ chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại do bản thân đang đi làm ăn xa, anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị V và anh Dương Văn H kết hôn vào ngày 24/01/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liễu Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự thể hiện quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp dẫn đến không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng

sống ly thân và cũng không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân. Tại lời khai, chị V và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị V và anh H 02 con chung Dương Nguyên H, sinh ngày 11/01/2011 và Dương Thu H, sinh ngày 21/6/2014. Tại lời khai các đương sự đều có yêu cầu nếu ly hôn, chị Nguyễn Thị V là người trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền: 1.000.000^{đ}/tháng/một con. Các con có nguyện vọng ở với mẹ.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng, là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí:* chị Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân*:* chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Dương Văn H.

2. Về con chung*:* giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Nguyên H, sinh ngày 11/01/2011 và Dương Thu H, sinh ngày 21/6/2014. Anh Dương Văn Huỳnh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền: 2.000.000đ (*hai triệu đồng*)/tháng (mỗi con chung: 1.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 09/2022 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0002393 ngày 23/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh Dương Văn Huỳnh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự*".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Liễu Đô;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh